

Số: **8 5 7** /BC-VNS

Hà Nội, ngày **28** tháng 7 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**  
(theo Phụ lục V, Thông tư số 96/2020/BTC)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty đại chúng: TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
2. Địa chỉ trụ sở chính: số 91 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Hà Nội.
3. Điện thoại: 04.38561767 Fax: 04.38561815
4. E-mail: vanphong@vnsteel.vn Website: www.vnsteel.vn
5. Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng (Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng).
6. Mã chứng khoán: TVN
7. Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
8. Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026, nhiệm kỳ 2026-2031.

| STT | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung đã thông qua                                                                                                                                                   |
|-----|---------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | 58/NQ-VNS     | 28/04/2026 | - Báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                                                           |
|     |               |            | - Báo cáo của Ban Kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                                                             |
|     |               |            | - Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đã được kiểm toán và kế |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                         |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ.                                                                                                                                           |
|  |  |  | - Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.                                                                       |
|  |  |  | - Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.                                                                         |
|  |  |  | - Tờ trình về quyết toán quỹ lương, thù lao của người quản lý năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP. |
|  |  |  | - Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.                                                                                                                   |
|  |  |  | - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.                                                                                       |
|  |  |  | - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.                                                                          |
|  |  |  | - Tờ trình về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP, nhiệm kỳ 2026 - 2031.                                                                            |
|  |  |  | - Tờ trình về việc bầu Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP, nhiệm kỳ 2026 - 2031.                                                                                |

## II. Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2026:

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT  | Chức vụ                       | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT |                 |
|-----|------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|
|     |                  |                               | Ngày bổ nhiệm                             | Ngày miễn nhiệm |
| 01  | Lê Song Lai      | Chủ tịch HĐQT                 | 28/4/2026                                 |                 |
| 02  | Nghiêm Xuân Đa   | Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc | 28/4/2026                                 |                 |
| 03  | Nguyễn Đình Phúc | Thành viên HĐQT               | 28/4/2026                                 |                 |
| 04  | Trần Tiến Tùng   | Thành viên HĐQT               | 28/4/2026                                 |                 |



|    |                |                 |           |           |
|----|----------------|-----------------|-----------|-----------|
| 05 | Thời Văn Tấn   | Thành viên HĐQT | 28/4/2026 |           |
| 06 | Phạm Công Thảo | Thành viên HĐQT |           | 28/4/2026 |

## 2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (họp quý):

| Stt | Thành viên HĐQT      | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự họp   |
|-----|----------------------|------------|---------------------|-------|---------------------------|
| 01  | Ông Lê Song Lai      | Thành viên | 2/2                 | 100%  |                           |
| 02  | Ông Nghiêm Xuân Đa   | Thành viên | 2/2                 | 100%  |                           |
| 03  | Ông Nguyễn Đình Phúc | Thành viên | 2/2                 | 100%  |                           |
| 04  | Ông Trần Tiến Tùng   | Thành viên | 2/2                 | 100%  |                           |
| 05  | Ông Thời Văn Tấn     | Thành viên | 1/2                 | 50%   | Bỏ nhiệm ngày 28/4/2026   |
| 06  | Ông Phạm Công Thảo   | Thành viên | 1/2                 | 50%   | Miễn nhiệm ngày 28/4/2026 |

## 3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

3.1. Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quyền hạn, trách nhiệm theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị căn cứ nhiệm vụ được phân công phụ trách đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát các lĩnh vực công tác; thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và ban hành các nghị quyết, quyết định. Thông qua đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát và đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành. Cụ thể, Hội đồng quản trị đã:

a) Xem xét và ban hành các nghị quyết, quyết định, công văn chỉ đạo về các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, công tác tài chính, giao dịch với các đơn vị liên quan, về tiền lương, công tác cán bộ, quy chế nội bộ của Tổng công ty... trên cơ sở các tờ trình, báo cáo của Ban Điều hành;

b) Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành hoạt động kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo, tờ trình của Ban Điều hành gửi Hội đồng quản trị;

c) Tham gia một số cuộc họp giao kế hoạch của Ban điều hành và các phòng, đơn vị trực thuộc để nắm tình hình, tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, kịp thời phối hợp với Ban Điều hành tìm giải pháp tháo gỡ;

d) Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2026-2031;

3.2. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát mọi hoạt động của Tổng công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; chỉ đạo Ban Điều hành trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty thông qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và



hoạt động của Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3.3. Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã triển khai nhiệm vụ trên các lĩnh vực: sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và tái cơ cấu, công tác quản trị tài chính, nhân sự... thông qua việc ban hành các kết luận, ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc tại hội nghị giao ban hàng tháng, sơ kết quý (báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo quý I và báo cáo 6 tháng đầu năm 2026). Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất, ban hành các Nghị quyết đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra và xây dựng chương trình công tác cho Quý tiếp theo.

3.4. Chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và tổ chức thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ:

a) Phê duyệt hồ sơ Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các công ty con, công ty liên kết năm 2026, đồng thời chỉ đạo bộ phận đại diện vốn của Tổng công ty thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp Hội đồng thành viên;

b) Trên cơ sở Nghị quyết số 58/NQ-VNS ngày 28/4/2026 đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026 của Tổng công ty và các nội dung quan trọng khác.

#### **4. Hoạt động của các Tiểu ban:**

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-VNS ngày 11/5/2021 về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Tổng công ty. Hiện tại, Ban Kiểm toán nội bộ đã đi vào hoạt động ổn định và thực hiện các hoạt động theo chương trình, kế hoạch được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

#### **5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị**

| STT | Số       | Ngày       | Nội dung                                                                                                                        |
|-----|----------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1/NQ-VNS | 09/01/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ 1 năm 2026 của Công ty TNHH Natsteelvina                        |
| 2   | 2/NQ-VNS | 19/01/2026 | Về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng thành viên, TGD Công ty TNHH Trung tâm thương mại Quốc tế do đối tác đề cử                   |
| 3   | 3/NQ-VNS | 23/01/2026 | Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng của Công ty TNHH MTV Thép MN-VNSTEEL với các ngân hàng năm 2026                              |
| 4   | 4/NQ-VNS | 05/02/2026 | Về việc thông qua kế hoạch triển khai Dự án đầu tư xây dựng mới Nhà máy thép công suất 500.000 tấn/năm của Công ty CP Vinaustel |
| 5   | 5/NQ-VNS | 07/02/2026 | về việc thay đổi nhân sự TGD Công ty CP KK Miền Trung                                                                           |



|    |           |            |                                                                                                                                        |
|----|-----------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | 6/NQ-VNS  | 07/02/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ 58 của Công ty TNHH Ống thép hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam            |
| 7  | 7/NQ-VNS  | 10/02/2026 | Về việc phê duyệt quyết toán tiền lương năm 2025 đối với các công ty con của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP                           |
| 8  | 8/NQ-VNS  | 13/02/2026 | Về việc đánh giá kết quả công tác Quý IV năm 2025 và chương trình công tác Quý I năm 2026                                              |
| 9  | 9/NQ-VNS  | 13/02/2026 | Về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải                                                |
| 10 | 10/NQ-VNS | 27/02/2026 | Về việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của TCTy Thép VN - CTCP                                           |
| 11 | 11/NQ-VNS | 12/03/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ 104 của Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật                                  |
| 12 | 12/NQ-VNS | 13/03/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty TNHH Nippovina                                |
| 13 | 13/NQ-VNS | 16/03/2026 | Về việc điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 tại Công ty con của TCTy Thép VN - CTCP                                           |
| 14 | 14/NQ-VNS | 18/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL |
| 15 | 15/NQ-VNS | 18/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Cơ khí Luyện kim      |
| 16 | 16/NQ-VNS | 18/03/2026 | Về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Ống thép VN                                                                 |
| 17 | 17/NQ-VNS | 18/03/2026 | về việc thông qua nội dung thế chấp tài sản có giá trị trên 35% tổng tài sản của Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL với ngân hàng        |
| 18 | 18/NQ-VNS | 18/03/2026 | Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng của Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long với các ngân hàng năm 2026                                 |

|    |           |            |                                                                                                                                                                                           |
|----|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19 | 19/NQ-VNS | 18/03/2026 | Về việc thông qua nội dung vay vốn thực hiện Dự án sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm của Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL |
| 20 | 20/NQ-VNS | 18/03/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ 59 của Công ty TNHH Ống thép hàn xoắn Nippon Steel VN                                                                     |
| 21 | 21/NQ-VNS | 20/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long                                                |
| 22 | 22/NQ-VNS | 23/03/2026 | về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSTEEL                                                 |
| 23 | 23/NQ-VNS | 23/03/2026 | NQ về việc phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel          |
| 24 | 24/NQ-VNS | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Kim khí TP HCM - VNSTEEL                                                 |
| 25 | 25/NQ-VNS | 24/03/2026 | về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty TNHH Thép Vina Kyoei                                                                             |
| 26 | 26/NQ-VNS | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vingal - VNSTEEL                                      |
| 27 | 27/NQ-VNS | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất                                                   |
| 28 | 28/NQ-VNS | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ 55 của Công ty TNHH Ống thép VN                                                                                           |



|    |            |            |                                                                                                                                                    |
|----|------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 29 | 29/NQ-VNS  | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Thép Thủ Đức - VNSTEEL            |
| 30 | 30/NQ-VNS  | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP KK Miền Trung                     |
| 31 | 31/NQ-VNS  | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Thép Đà Nẵng                      |
| 32 | 32/NQ-VNS  | 24/03/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ 2 năm 2026 của Công ty TNHH Natsteelvina                                           |
| 33 | 33/NQ-HĐQT | 25/03/2026 | Về phương án tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận trước khi chuyển đổi thành CTCP của Công ty CP Vinausteel                                               |
| 34 | 34/NQ-VNS  | 25/03/2026 | Về việc thông qua nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty CP Vinausteel                                                           |
| 35 | 35/NQ-VNS  | 27/03/2026 | Về việc thông qua nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên năm 2026 của Công ty TNHH Càng quốc tế Thị Vải                                             |
| 36 | 36/NQ-VNS  | 31/03/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương VN |
| 37 | 37/NQ-HĐQT | 31/03/2026 | Về việc thông qua nội dung họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế                              |
| 38 | 38/NQ-HĐQT | 31/03/2026 | Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng của Công ty CP Kim khí Miền Trung với các ngân hàng năm 2026                                                    |
| 39 | 39/NQ-VNS  | 31/03/2026 | Về nhân sự tham gia Hội đồng quản trị do cổ đông ngoài đề cử tại Công ty CP KK Miền Trung                                                          |
| 40 | 40/NQ-VNS  | 01/04/2026 | Về nhân sự tham gia Hội đồng quản trị do cổ đông ngoài đề cử tại Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất                                                 |
| 41 | 41/NQ-VNS  | 01/04/2026 | Về thông qua nội dung, chương trình họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty TNHH Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL                     |

|    |            |            |                                                                                                                                                  |
|----|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 42 | 42/NQ-VNS  | 02/04/2026 | Về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh Dự án đầu tư "Nhà máy thép Phú Mỹ" của Công ty TNHH MTV Thép MN - VNSTEEL                                |
| 43 | 43/NQ-VNS  | 02/04/2026 | Về thông qua nội dung họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn                             |
| 44 | 44/NQ-VNS  | 02/04/2026 | Về thông qua nội dung, thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Lưới thép Bình Tây                                 |
| 45 | 45/NQ-VNS  | 07/04/2026 | Về việc thông qua kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Công ty TNHH MTV MDC - VNSTEEL |
| 46 | 46/NQ-VNS  | 07/04/2026 | Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng của Công ty cổ phần Vinausteel với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1    |
| 47 | 47/NQ-VNS  | 07/04/2026 | Về việc thông qua nội dung, chương trình họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL               |
| 48 | 48/NQ-VNS  | 13/04/2026 | Về việc phê duyệt tổng hạn mức bán hàng trả chậm cho khách hàng của Công ty TNHH Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL                                    |
| 49 | 49/NQ-HĐQT | 14/04/2026 | Về nhân sự tham gia Hội đồng quản trị do cổ đông ngoài đề cử tại Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long                                       |
| 50 | 50/NQ-HĐQT | 14/04/2026 | Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng ký với các ngân hàng năm 2026 của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP                                |
| 51 | 51/NQ-VNS  | 15/04/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP RedStarCera                     |
| 52 | 52/NQ-VNS  | 15/04/2026 | Về việc thông qua nội dung họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2026 của Công ty Tôn Phương Nam                                               |
| 53 | 53/NQ-VNS  | 20/04/2026 | Về việc đánh giá kết quả công tác Quý I năm 2026 và chương trình công tác Quý II năm 2026                                                        |



|    |            |            |                                                                                                                                            |
|----|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 54 | 54/NQ-VNS  | 22/04/2026 | Về việc thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP GTTN                      |
| 55 | 55/NQ-VNS  | 22/04/2026 | Về nhân sự tham gia Hội đồng thành viên do đối tác đề cử tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung                               |
| 56 | 56/NQ-VNS  | 23/04/2026 | Về việc phê duyệt hạn mức vay vốn phục vụ hoạt động, điều chỉnh Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung |
| 57 | 57/NQ-VNS  | 24/04/2026 | Về việc cập nhật và bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của TCTy Thép VN - CTCP                                 |
| 58 | 58/NQ-VNS  | 28/04/2026 | NQ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 TCTy Thép VN - CTCP                                                                           |
| 59 | 59/NQ-VNS  | 28/04/2026 | Về việc bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm chức vụ TGD TCTy Thép Việt Nam - CTCP, nhiệm kỳ 2026 - 2031               |
| 60 | 60/NQ-HĐQT | 04/05/2026 | Về việc thông qua thời gian, nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Sắt Thạch Khê              |
| 61 | 61/NQ-VNS  | 12/05/2026 | Về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của TCTy Thép VN - CTCP                                                                 |
| 62 | 62/NQ-VNS  | 13/05/2026 | Về thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn                                      |
| 63 | 63/NQ-VNS  | 19/05/2026 | Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL                                            |
| 64 | 64/NQ-VNS  | 22/05/2026 | NQ thông qua nội dung, thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Vinausteel                     |
| 65 | 65/NQ-VNS  | 01/06/2026 | Về nhân sự tham gia Hội đồng thành viên, Phó TGD do đối tác đề cử tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam                                       |
| 66 | 66/NQ-VNS  | 03/06/2026 | Về việc phê duyệt ký hợp đồng với Người liên quan năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thép MN - VNSTEEL                                          |

|    |           |            |                                                                                                                                         |
|----|-----------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 67 | 67/NQ-VNS | 03/06/2026 | Về việc điều chỉnh quy mô công suất của Dự án đầu tư Nhà máy thép cán nguội Phú Mỹ của Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL    |
| 68 | 68/NQ-VNS | 04/06/2026 | Về nhân sự tham gia Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát do đối tác đề cử tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung             |
| 69 | 69/NQ-VNS | 05/06/2026 | Về điều chỉnh quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 của Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật                                                        |
| 70 | 70/NQ-VNS | 08/06/2026 | Về đánh giá, xếp loại công tác Người đại diện vốn của TCTy Thép VN - CTCP tại các doanh nghiệp năm 2025                                 |
| 71 | 71/NQ-VNS | 15/06/2026 | Về việc thông qua giao dịch với người có liên quan của Công ty CP Thép Đà Nẵng                                                          |
| 72 | 72/NQ-VNS | 24/06/2026 | Về phê duyệt chủ trương và phương án chuyển nhượng phần vốn của TCTy Thép VN - CTCP tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung |

### III. Ban Kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2026

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| STT | Thành viên BKS       | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------|------------|----------------------------------|---------------------|
| 01  | Trần Thị Hồng Lĩnh   | Trưởng BKS | Được bầu<br>28/4/2026            | Thạc sĩ             |
| 02  | Nguyễn Đức Vinh Nam  | TV BKS     | Bỏ nhiệm<br>28/4/2026            | Thạc sĩ             |
| 03  | Trương Thị Tuyết     | TV BKS     | Được bầu<br>28/4/2026            | Cử nhân             |
| 04  | Nguyễn Minh Đức      | TV BKS     | Được bầu<br>28/4/2026            | Thạc sĩ             |
| 05  | Nguyễn Minh Giáp     | TV BKS     | Được bầu<br>28/4/2026            | Thạc sĩ             |
| 06  | Trần Tuấn Dũng       | Trưởng BKS | Miễn nhiệm<br>28/4/2026          | Thạc sĩ             |
| 07  | Đặng Sơn Nguyệt Thảo | TV BKS     | Miễn nhiệm<br>28/4/2026          | Thạc sĩ             |



## 2. Cuộc họp của BKS

| STT | Thành viên BKS       | Số buổi họp<br>tham dự | Tỷ lệ tham<br>dự họp | Tỷ lệ biểu<br>quyết | Lý do không<br>tham dự họp |
|-----|----------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 01  | Trần Thị Hồng Lĩnh   | 1/2                    | 50%                  | 100%                | Được bầu<br>28/4/2026      |
| 02  | Nguyễn Đức Vinh Nam  | 2/2                    | 100%                 | 100%                |                            |
| 03  | Trương Thị Tuyết     | 2/2                    | 100%                 | 100%                |                            |
| 04  | Nguyễn Minh Đức      | 2/2                    | 100%                 | 100%                |                            |
| 05  | Nguyễn Minh Giáp     | 1/2                    | 50%                  | 100%                | Được bầu<br>28/4/2026      |
| 06  | Trần Tuấn Dũng       | 1/2                    | 50%                  | 100%                | Miễn nhiệm<br>28/4/2026    |
| 07  | Đặng Sơn Nguyệt Thảo | 1/2                    | 50%                  | 100%                | Miễn nhiệm<br>28/4/2026    |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cổ đông:

3.1. BKS thực hiện giám sát công tác triển khai các mục tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

3.2. Thường xuyên tham gia các cuộc họp Quý của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

3.3. Tham gia góp ý và giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với Điều lệ Tổng công ty.

3.4. Giám sát việc kiểm toán BCTC và thẩm định báo cáo về tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2026 của Tổng công ty.

3.5. Thực hiện kiểm soát một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý tài chính, quản lý sản xuất, kinh doanh và việc thực hiện quy chế quản lý đã ban hành tại Công ty mẹ, các đơn vị trực thuộc và doanh nghiệp 100% vốn của Tổng công ty.

3.6. Giám sát việc thực hiện chức năng đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết; kiểm soát một số nội dung cụ thể trong công tác sử dụng và bảo toàn vốn, công tác đầu tư, sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính...của một số công ty con, công ty liên kết.

3.7. Phối hợp với Ban Tài chính kế toán, Ban Kiểm toán nội bộ, các ban nghiệp vụ của Tổng công ty thực hiện giám sát một số đơn vị thông qua hoạt động phối hợp.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ hợp tác đầy đủ, tích cực từ các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các Ban nghiệp vụ Tổng công ty.

**IV. Ban điều hành trong 6 tháng đầu năm 2026:**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                                                | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 01  | Ông Nghiêm Xuân Đa       | 29/5/1966           | Kỹ sư Kinh tế mỏ, Cử nhân Luật, Thạc sĩ ngành Kinh tế - Tài chính                  | 12/5/2023                                          |
| 02  | Ông Phạm Công Thảo       | 04/12/1977          | Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh quốc tế, Thạc sĩ ngành Kinh doanh quốc tế        | 09/4/2018                                          |
| 03  | Ông Lê Văn Thanh         | 10/10/1968          | Cử nhân luật, Cử nhân Kinh tế                                                      | Miễn nhiệm<br>15/4/2026                            |
| 04  | Ông Nguyễn Phú Dương     | 13/9/1977           | Kỹ sư ngành khai thác Mỏ, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | 22/9/2020                                          |
| 05  | Ông Nguyễn Nguyên Ngọc   | 24/10/1979          | Kỹ sư ngành Điều khiển tự động, Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | 01/4/2025                                          |

**V. Kế toán trưởng:**

Tổng công ty đã bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty từ 10/03/2023.

| Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ                    | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|----------------------|---------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|
| Ông Nguyễn Viết Liêm | 10/10/1971          | Thạc sĩ kinh tế, Kế toán, kiểm toán và phân tích | 10/3/2023                 |

**VI. Đào tạo về quản trị Công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Tổng công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Tổng Công ty đã cử Thư ký Tổng công ty tham gia các khóa đào tạo của HNX.



**VII. Danh sách người có liên quan của Công ty đại chúng trong 6 tháng đầu năm 2026 và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:**

1. Danh sách người có liên quan của Công ty: **Phụ lục 1a, Phụ lục 1b**
2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: **Phụ lục 2a**
3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có
4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác:
  - 4.1. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): **Phụ lục 2b**
  - 4.2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có
  - 4.3. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ năm 2025:**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: **Phụ lục 03**
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: **Phụ lục 04** (không có)

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD, các PTGD;
- Ban kiểm soát;
- Các Ban chuyên môn nghiệp vụ;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Song Lai**

**Phụ lục 1a: Danh sách về người có liên quan của Công ty (mục VII)**

**a, Người có liên quan là tổ chức**

| TT | Tên tổ chức/cá nhân                                   | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ      | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ |
|----|-------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-------------|
| 01 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) |                                 |                     | 0101992921                     | 117 Trần Duy Hưng, phường Yên Hoà, Hà Nội | Tháng 04/2019                           |                                           |       | Chủ sở hữu  |

**b, Người có liên quan là cá nhân**

| TT | Tên tổ chức/cá nhân    | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty            | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do      | Mối quan hệ |
|----|------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------|-------------|
| 01 | Ông Lê Song Lai        |                                 | Chủ tịch HĐQT                  |                                | 91 lảng hạ                           | 18/8/2020                               |                                           |            |             |
| 02 | Ông Nghiêm Xuân Đa     |                                 | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |                                | 91 lảng hạ                           | 12/5/2023                               |                                           |            |             |
| 03 | Ông Nguyễn Đình Phúc   |                                 | Phó chủ tịch HĐQT              |                                | 91 lảng hạ                           | 25/4/2017                               |                                           |            |             |
| 04 | Ông Trần Tiến Tùng     |                                 | Thành viên HĐQT                |                                | 91 lảng hạ                           | 28/4/2025                               |                                           |            |             |
| 05 | Ông Thới Văn Tấn       |                                 | Thành viên HĐQT                |                                | 91 lảng hạ                           | 28/4/2026                               |                                           | Bỏ nhiệm   |             |
| 06 | Ông Phạm Công Thảo     | 026C303207                      | Phó Tổng Giám đốc              |                                | 91 lảng hạ                           | 09/4/2018                               |                                           |            |             |
| 07 | Ông Lê Văn Thanh       |                                 | Phó Tổng Giám đốc              |                                | 91 lảng hạ                           | 12/4/2021                               | 15/4/2026                                 | Miễn nhiệm |             |
| 08 | Ông Nguyễn Phú Dương   |                                 | Phó Tổng Giám đốc              |                                | 91 lảng hạ                           | 22/9/2020                               |                                           |            |             |
| 09 | Ông Nguyễn Nguyên Ngọc |                                 | Phó Tổng Giám đốc              |                                | 91 lảng hạ                           | 01/4/2025                               |                                           |            |             |



|    |                         |                          |                                                                     |  |            |            |           |            |  |
|----|-------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|------------|------------|-----------|------------|--|
| 10 | Bà Trần Thị Hồng Lĩnh   |                          | Trưởng Ban kiểm soát                                                |  | 91 lảng hạ | 28/4/2026  |           | Bỏ nhiệm   |  |
| 11 | Ông Trần Tuấn Dũng      | 018C106178               | Trưởng Ban kiểm soát                                                |  | 91 lảng hạ | 25/4/2016  | 28/4/2026 | Miễn nhiệm |  |
| 12 | Bà Lê Thị Thu Hiền      | 105C634948               | Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ                                         |  | 91 lảng hạ | 15/6/2018  |           |            |  |
| 13 | Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo | 009C102226               | Thành viên Ban kiểm soát                                            |  | 91 lảng hạ | 11/6/2019  | 28/4/2026 | Miễn nhiệm |  |
| 14 | Ông Nguyễn Đức Vinh Nam | 0002508889               | Thành viên Ban kiểm soát                                            |  | 91 lảng hạ | 26/4/2024  |           |            |  |
| 15 | Ông Nguyễn Minh Đức     |                          | Thành viên Ban kiểm soát                                            |  | 91 lảng hạ | 28/6/2021  |           |            |  |
| 16 | Bà Trương Thị Tuyết     | 009C309114<br>073C009177 | Thành viên Ban kiểm soát                                            |  | 91 lảng hạ | 12/5/2023  |           |            |  |
| 17 | Ông Nguyễn Minh Giáp    |                          | Thành viên Ban kiểm soát                                            |  | 91 lảng hạ | 28/4/2026  |           | Bỏ nhiệm   |  |
| 18 | Ông Nguyễn Viết Liêm    |                          | Kế toán trưởng                                                      |  | 91 lảng hạ | 18/11/2021 |           |            |  |
| 19 | Ông Đặng Minh Đức       |                          | Phó Chánh Văn phòng, Thư ký Chủ tịch HĐQT, Người phụ trách quản trị |  | 91 lảng hạ | 01/6/2025  |           |            |  |
| 20 | Bà Lý Thị Hồng Hạnh     | R21647                   | Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ                                     |  | 91 lảng hạ | 15/4/2022  |           |            |  |
| 21 | Bà Lê Tú Vân            | 105C253990<br>750990     | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ                                     |  | 91 lảng hạ | 01/5/2025  |           |            |  |
| 22 | Bà Hoàng Thị Chung      |                          | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ                                     |  | 91 lảng hạ | 01/5/2025  |           |            |  |

**Phụ lục 1b: Danh sách về người có liên quan của Công ty**

**1. Người có liên quan là tổ chức**

| STT       | Tên tổ chức/cá nhân                                          | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Mối quan hệ | Số ĐKDN, ngày cấp, nơi cấp                                | Địa chỉ                                                  | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)</b> |                                          | Chủ sở hữu  | 0101992921, ngày 09/7/20210, Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội | 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội                                | Tháng 04/2019                           |                                           |       |
| <b>II</b> | <b>CÔNG TY CON</b>                                           |                                          |             |                                                           |                                                          |                                         |                                           |       |
| 1         | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam- VNSTEEL                      |                                          | Công ty con |                                                           | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh | T12/2014                                |                                           |       |
| 2         | Công ty TNHH Một thành viên Thép Tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL       |                                          | Công ty con |                                                           | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh | T12/2014                                |                                           |       |
| 3         | Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên                        |                                          | Công ty con |                                                           | Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên                        | T6/2007                                 |                                           |       |
| 4         | Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội-VNSTEEL                       |                                          | Công ty con |                                                           | Số 20 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, TP. Hà Nội         | T12/2005                                |                                           |       |
| 5         | Công ty cổ phần Kim Khí TP Hồ Chí Minh-VNSTEEL               |                                          | Công ty con |                                                           | Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh | T11/2006                                |                                           |       |



|    |                                                         |  |             |  |                                                                  |                 |  |                                                                                        |
|----|---------------------------------------------------------|--|-------------|--|------------------------------------------------------------------|-----------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam                       |  | Công ty con |  | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh         | <b>T4/2009</b>  |  |                                                                                        |
| 7  | Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long               |  | Công ty con |  | Lô 14 KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP. Hà Nội                  | <b>T7/2010</b>  |  |                                                                                        |
| 8  | Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam |  | Công ty con |  | Số 102C Nguyễn Văn Cừ, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh      | <b>T3/2010</b>  |  |                                                                                        |
| 9  | Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL                     |  | Công ty con |  | Số 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh           | <b>T12/2007</b> |  |                                                                                        |
| 10 | Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL                    |  | Công ty con |  | Km 9, Võ Nguyên Giáp, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh            | <b>T12/2007</b> |  |                                                                                        |
| 11 | Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-VNSTEEL       |  | Công ty con |  | Số 4, đường 2A, KCN Biên Hòa II, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai | <b>T8/2012</b>  |  |                                                                                        |
| 12 | Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL                     |  | Công ty con |  | Số 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh           | <b>T6/2016</b>  |  |                                                                                        |
| 13 | Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực quốc tế-VNSTEEL      |  | Công ty con |  | Số 63, ngõ 42, Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội        | <b>T3/2017</b>  |  |                                                                                        |
| 14 | Công ty Tôn Phương Nam                                  |  | Công ty con |  | Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai      | <b>T11/2006</b> |  | Chuyển đổi thành Công ty con từ ngày 28/5/2025 theo Giấy Đăng ký doanh nghiệp mới nhất |

| II | CÔNG TY LIÊN KẾT                                |  |                  |  |                                                                   |          |         |           |
|----|-------------------------------------------------|--|------------------|--|-------------------------------------------------------------------|----------|---------|-----------|
| 1  | Công ty cổ phần Kim Khí Miền Trung              |  | Công ty liên kết |  | 69 Quang Trung, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng                       | T11/2006 |         |           |
| 2  | Công ty cổ phần RedstarCera                     |  | Công ty liên kết |  | Số 148 Chi Ngải, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng              | T11/2006 |         |           |
| 3  | Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung |  | Công ty liên kết |  | KCN Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai                       | T11/2006 | T7/2026 | Thoái vốn |
| 4  | Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng                    |  | Công ty liên kết |  | Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, P. Hải Vân, TP. Đà Nẵng       | T11/2006 |         |           |
| 5  | Công ty TNHH Thép Vinakyoei                     |  | Công ty liên kết |  | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh          | 1994     |         |           |
| 6  | Công ty TNHH Nasteelvina                        |  | Công ty liên kết |  | Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên                                 | T11/2006 |         |           |
| 7  | Công ty TNHH Ống thép Việt Nam                  |  | Công ty liên kết |  | Km9, phường Hồng An, TP. Hải Phòng                                | T11/2006 |         |           |
| 8  | Công ty TNHH Trung tâm thương mại Quốc tế       |  | Công ty liên kết |  | 34 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh                       | T11/2006 |         |           |
| 9  | Công ty cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất          |  | Công ty liên kết |  | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh          | T9/2007  |         |           |
| 10 | Công ty TNHH Nippovina                          |  | Công ty liên kết |  | Lô D1 29 - 30 Đường VL2, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh | T11/2006 |         |           |
| 11 | Công ty TNHH Gia công và dịch vụ thép Sài Gòn   |  | Công ty liên kết |  | Số 5, đường 4A, KCN Biên Hòa II, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai  | T11/2006 |         |           |
| 12 | Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật                   |  | Công ty liên kết |  | KCN Nam Cầu Kiền,                                                 | T11/2006 |         |           |



|            |                                                      |  |                  |  |                                                                    |                 |                |                                                                                                                                                      |
|------------|------------------------------------------------------|--|------------------|--|--------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                      |  |                  |  | phường Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng                                  |                 |                |                                                                                                                                                      |
| 13         | Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây                   |  | Công ty liên kết |  | Số 425 Âu Cơ, phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh                      | <b>T11/2006</b> |                |                                                                                                                                                      |
| 14         | Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ                         |  | Công ty liên kết |  | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh           | <b>T8/2006</b>  | <b>T7/2025</b> | Theo Quyết định số 01/2025/QĐ-TBPS ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc tuyên bố doanh nghiệp phá sản |
| 15         | Công ty CP Cơ khí Luyện Kim                          |  | Công ty liên kết |  | Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai       | <b>T11/2006</b> |                |                                                                                                                                                      |
| 16         | Công ty cổ phần Vinausteel                           |  | Công ty liên kết |  | Km 9, Vật Cách, Phường Hồng An, TP. Hải Phòng                      | <b>T8/2025</b>  |                |                                                                                                                                                      |
| <b>III</b> | <b>ĐẦU TƯ KHÁC</b>                                   |  |                  |  |                                                                    |                 |                |                                                                                                                                                      |
| 1          | Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê                        |  | Đầu tư khác      |  | Số 64, Phan Đình Phùng, P. Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh                 | <b>T4/2007</b>  |                |                                                                                                                                                      |
| 2          | Công ty TNHH Ống thép Hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam |  | Đầu tư khác      |  | Đường D3, Khu công nghiệp Phú Mỹ II, Phường Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh | <b>T8/2005</b>  |                |                                                                                                                                                      |
| 3          | Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải                    |  | Đầu tư khác      |  | Khu phố Quảng Phú, phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh                  | <b>T11/2006</b> |                |                                                                                                                                                      |

**Phụ lục 2a: Mục V.2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

| STT       | Nội dung                                                | Đi vay |         |         | Góp vốn vào Công ty Con/Công ty liên kết tại ngày 30/06/2026 | Lợi nhuận/ cổ tức được chia 6 tháng năm 2026 | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------------|--------|---------|---------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|           |                                                         | Đi vay | Trả vay | Lãi vay |                                                              |                                              |         |
| <b>I</b>  | <b>CÔNG TY CON</b>                                      |        |         |         | <b>4.795.133.139.561</b>                                     | <b>94.496.950.800</b>                        |         |
| 1         | Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam |        |         |         | 250.840.177.148                                              | 36.478.950.000                               |         |
| 2         | Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL     |        |         |         | 39.991.583.800                                               | 7.609.808.000                                |         |
| 3         | Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL                |        |         |         | 85.013.746.834                                               |                                              |         |
| 4         | Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL           |        |         |         | 800.000.000.000                                              |                                              |         |
| 5         | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL                |        |         |         | 1.000.000.000.000                                            |                                              |         |
| 6         | Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL                  |        |         |         | 107.420.378.080                                              |                                              |         |
| 7         | Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL                   |        |         |         | 245.057.830.503                                              |                                              |         |
| 8         | Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh                  |        |         |         | 227.645.806.727                                              | 12.158.192.800                               |         |
| 9         | Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long               |        |         |         | 382.500.000.000                                              | 38.250.000.000                               |         |
| 10        | Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam                       |        |         |         | 34.511.992.908                                               |                                              |         |
| 11        | Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL                   |        |         |         | 5.000.000.000                                                |                                              |         |
| 12        | Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực Quốc tế - VNSTEEL    |        |         |         | 6.800.000.000                                                |                                              |         |
| 13        | Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên                   |        |         |         | 1.213.702.867.447                                            |                                              |         |
| 14        | Công ty Tôn Phương Nam                                  |        |         |         | 396.648.756.114                                              |                                              |         |
| <b>II</b> | <b>CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT</b>                      |        |         |         | <b>2.853.927.974.544</b>                                     | <b>184.898.031.827</b>                       |         |
| 16        | Công ty TNHH Ống thép Việt Nam                          |        |         |         | 61.211.173.021                                               |                                              |         |
| 17        | Công ty TNHH Thép Vinakyoei                             |        |         |         | 739.284.403.522                                              |                                              |         |
| 18        | Công ty Cổ phần RedstarCera                             |        |         |         | 23.577.820.000                                               |                                              |         |
| 19        | Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung            |        |         |         | 943.444.077.561                                              |                                              |         |
| 20        | Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung                      |        |         |         | 43.883.045.602                                               |                                              |         |



|            |                                                 |  |  |  |                          |                        |  |
|------------|-------------------------------------------------|--|--|--|--------------------------|------------------------|--|
| 21         | Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn   |  |  |  | 27.971.223.680           |                        |  |
| 22         | Công ty TNHH Nippovina                          |  |  |  | 18.308.619.752           |                        |  |
| 23         | Công ty TNHH Nasteelvina                        |  |  |  | 98.806.118.098           |                        |  |
| 24         | Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế (IBC) |  |  |  | 424.906.169.097          | 75.985.123.882         |  |
| 25         | Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất          |  |  |  | 62.494.827.000           |                        |  |
| 26         | Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng                    |  |  |  | 71.642.335.291           |                        |  |
| 27         | Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim                |  |  |  | 14.365.162.080           |                        |  |
| 28         | Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây              |  |  |  | 10.538.802.437           |                        |  |
| 29         | Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật                   |  |  |  | 27.772.749.772           | 8.818.320.000          |  |
| 30         | Công ty cổ phần Vinausteel                      |  |  |  | 285.721.447.631          | 100.094.587.945        |  |
| <b>III</b> | <b>ĐẦU TƯ KHÁC</b>                              |  |  |  | <b>379.649.741.580</b>   | <b>-</b>               |  |
| 31         | Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải               |  |  |  | 76.909.667.169           |                        |  |
| 32         | Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê                   |  |  |  | 274.240.074.411          |                        |  |
| 33         | Cty TNHH Ống Thép Hàn xoắn Nippon Steel VN      |  |  |  | 28.500.000.000           |                        |  |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                |  |  |  | <b>8.028.710.855.685</b> | <b>279.394.982.627</b> |  |

**Phụ lục 2b: Mục V.2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

| STT | Nội dung                                               | Mục V.4.1: Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành | Cung cấp dịch vụ | Cho vay     |             |               |
|-----|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|-------------|---------------|
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                       |                  | Chi cho vay | Thu cho vay | Lãi cho vay   |
| 1   | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL                 | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               | 32.412.037       |             |             |               |
| 2   | Công ty TNHH Một thành viên Thép Tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               | 780.408.255.370  |             |             | 8.953.714.473 |
| 3   | Công ty CP Gang thép Thái Nguyên                       | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 4   | Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội-VNSTEEL                 | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 5   | Công ty CP Kim Khí TP Hồ Chí Minh-VNSTEEL              | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 6   | Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long                   | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 7   | Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam     | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               | 1.476.139.300    |             |             |               |
| 8   | Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL                    | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 9   | Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL                   | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 10  | Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vinal-VNSTEEL            | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                                                                                                                                                               |                  |             |             |               |
| 11  | Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL                    | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch tại Công ty con                                                                                                                                                                    |                  |             |             |               |
| 12  | Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực Quốc tế-VNSTEEL     | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch tại Công ty con                                                                                                                                                                    | 78.088.844       |             |             |               |
| 13  | Công ty CP Thép tấm Miền Nam                           | Người đại diện phụ trách chung của TCT                                                                                                                                                                                                |                  |             |             |               |



|    |                                                          |                                                                                                    |            |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|--|
|    |                                                          | là Chủ tịch HĐQT tại Công ty                                                                       |            |  |  |  |
| 14 | Công ty CP Lưới thép Bình Tây                            | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là Chủ tịch HĐQT tại Công ty liên<br>doanh, liên kết     | 24.000.000 |  |  |  |
| 15 | Công ty CP Cơ khí Luyện Kim                              | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là Chủ tịch HĐQT tại Công ty liên<br>doanh, liên kết     | 3.407.407  |  |  |  |
| 16 | Công ty Tôn Phương Nam                                   | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là Chủ tịch HĐQT tại Công ty con                         | 21.450.000 |  |  |  |
| 17 | Công ty TNHH Gia công và dịch vụ<br>thép Sài Gòn         | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là TGD tại Công ty liên doanh, liên<br>kết               |            |  |  |  |
| 18 | Công ty TNHH Ống thép Việt Nam                           | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là TGD tại Công ty liên doanh, liên kết                  |            |  |  |  |
| 19 | Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất                        | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là TGD tại Công ty liên doanh, liên<br>kết               |            |  |  |  |
| 20 | Công ty CP Redstarcera                                   | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là P.TGD tại Công ty liên doanh, liên<br>kết             |            |  |  |  |
| 21 | Công ty CP Thép Đà Nẵng                                  | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là P.TGD tại Công ty liên doanh, liên<br>kết             |            |  |  |  |
| 22 | Công ty TNHH Nasteelvina                                 | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là P.TGD tại Công ty liên doanh, liên<br>kết             |            |  |  |  |
| 23 | Công ty TNHH Thép Vinakyoei                              | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là Chủ tịch HĐQT tại Công ty liên<br>doanh, liên kết     |            |  |  |  |
| 24 | Công ty TNHH trung tâm Thương<br>Mại Quốc Tế (IBC)       | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là P.TGD thứ 1 tại Công ty liên doanh,<br>liên kết       |            |  |  |  |
| 25 | Công ty cổ phần Vinausteel                               | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là TGD tại Công ty liên doanh, liên kết                  |            |  |  |  |
| 26 | Công ty TNHH Khoáng Sản và<br>Luyện Kim Việt Trung (VTM) | Người đại diện phụ trách chung của TCT<br>là Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty liên<br>doanh, liên kết |            |  |  |  |

|                  |                                                      |                                                                                            |                        |  |  |                      |
|------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--|--|----------------------|
| 27               | Công ty CP Kim Khí Miền Trung                        | Người đại diện phụ trách chung của TCT là P.TGD tại Công ty liên doanh, liên kết           |                        |  |  |                      |
| 28               | Công ty TNHH Nippovina                               | Người đại diện phụ trách chung của TCT là Chủ tịch HĐQT tại Công ty liên doanh, liên kết   | 846.000.000            |  |  |                      |
| 29               | Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật                        | Người đại diện phụ trách chung của TCT là P.TGD tại Công ty liên doanh, liên kết           |                        |  |  |                      |
| 30               | Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải                    | Người đại diện phụ trách chung của TCT là thành viên HĐQT tại Công ty liên doanh, liên kết |                        |  |  |                      |
| 31               | Công ty TNHH Ống thép Hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam | Người đại diện phụ trách chung của TCT là thành viên HĐQT tại Công ty liên doanh, liên kết |                        |  |  |                      |
| 32               | Công ty CP Sắt Thạch Khê                             | Người đại diện phụ trách chung của TCT là thành viên HĐQT tại Công ty liên doanh, liên kết |                        |  |  |                      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                      |                                                                                            | <b>782.889.752.958</b> |  |  | <b>8.953.714.473</b> |



**Phụ lục 3, mục VI.1: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/công ty**

| STT      | Họ tên             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty/Mối quan hệ (nếu có) | Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/DKKD | Địa chỉ liên hệ                                                             | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú                      |
|----------|--------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Lê Song Lai</b> |                                          | <b>Chủ tịch HĐQT</b>                     | <b>001068024980</b>         | <b>Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, TP. Hà Nội</b>                                |                            |                               | <b>Đại diện vốn của SCIC</b> |
| 1.1      | Lê Ngọc Canh       |                                          | Bố đẻ                                    |                             |                                                                             | 0                          | 0                             | Đã mất                       |
| 1.2      | Đặng Hồng Lý       |                                          | Mẹ đẻ                                    | 040144000144                | Phòng 2505, Chung cư 101 Láng Hạ, P. Đống Đa, TP. Hà Nội                    | 0                          | 0                             |                              |
| 1.3      | Nguyễn Kim Anh     | 057CO72985                               | Vợ                                       | 001173005559                | Phòng E1508, Chung cư Golden Westlake, 151 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội | 0                          | 0                             |                              |
| 1.4      | Lê Song Bảo Châu   |                                          | Con gái                                  | 001301019651                | Phòng E1508, Chung cư Golden Westlake, 151 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội | 0                          | 0                             |                              |
| 1.5      | Lê Song Đức Trí    |                                          | Con trai                                 | 001206002726                | Phòng E1508, Chung cư Golden Westlake, 151 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội | 0                          | 0                             |                              |

|      |                                                             |  |                                                                                           |                     |                                                                                          |                                   |                 |                                      |
|------|-------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------------------------------|
| 1.6  | Lê Song Bảo Anh                                             |  | Em trai                                                                                   | 001076017460        | Phòng 2505,<br>Chung cư 101<br>Láng Hạ, P. Đống<br>Đa, TP. Hà Nội                        | 0                                 | 0               |                                      |
| 1.7  | Nguyễn Hồng Vân                                             |  | Em dâu                                                                                    | 022178000049        | Phòng 2505,<br>Chung cư 101<br>Láng Hạ, P. Đống<br>Đa, TP. Hà Nội                        | 0                                 | 0               |                                      |
| 1.8  | Nguyễn Quán                                                 |  | Bố vợ                                                                                     | 001041002380        | Phòng E901,<br>Chung cư Golden<br>Westlake, 151<br>Thụy Khuê, P. Tây<br>Hồ, TP. Hà Nội   | 0                                 | 0               |                                      |
| 1.9  | Bùi Kim Nữ                                                  |  | Mẹ vợ                                                                                     | 001147002989        | Phòng E901,<br>Chung cư Golden<br>Westlake, 151<br>Thụy Khuê, P. Tây<br>Hồ, TP. Hà Nội   | 0                                 | 0               |                                      |
| 1.10 | Tổng công ty Đầu tư<br>và Kinh doanh vốn<br>Nhà nước (SCIC) |  | Ông Lê Song Lai<br>là Người đại diện<br>vốn của SCIC tại<br>Tổng công ty<br>Thép Việt Nam | 0101992921          | 117 Trần Duy<br>Hưng, P. Yên Hoà,<br>TP. Hà Nội                                          | 636.844.034                       | 93.93%          | Người đại<br>diện phân<br>góp vốn    |
| 2    | Nghiêm Xuân Đa                                              |  | <b>Thành viên<br/>HDQT, Tổng<br/>Giám đốc</b>                                             | <b>027066000023</b> | <b>Số 91 Láng Hạ,<br/>P. Đống Đa, TP.<br/>Hà Nội</b>                                     | <b>Cá nhân sở<br/>hữu: 11.900</b> | <b>0.00175%</b> | <b>Đại diện<br/>vốn của<br/>SCIC</b> |
| 2.1  | Đoàn Bích Vân                                               |  | Vợ                                                                                        | 001166039550        | 0401, Tòa B1,<br>Mandarin Garden,<br>Số 99 Hoàng Minh<br>Giám, P. Yên Hoà,<br>TP. Hà Nội | 0                                 | 0               |                                      |



|      |                   |  |         |              |                                                                          |   |   |        |
|------|-------------------|--|---------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|---|---|--------|
| 2.2  | Nghiêm Thu Trang  |  | Con     | 001194030983 | Tòa nhà Sông Hồng, số 165 Thái Hà, P. Đống Đa, TP. Hà Nội                | 0 | 0 |        |
| 2.3  | Nghiêm Minh Vũ    |  | Con     | 001203020927 | 702 Đại lộ Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, TP. HCM                        | 0 | 0 |        |
| 2.4  | Nghiêm Đình Vỹ    |  | Bố đẻ   | 027047000686 | Số 17, Phan Văn Trường, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội                          | 0 | 0 |        |
| 2.5  | Nghiêm Thị Huyền  |  | Mẹ đẻ   |              |                                                                          | 0 | 0 | Đã mất |
| 2.6  | Nghiêm Đình Thành |  | Em trai |              |                                                                          | 0 | 0 | Đã mất |
| 2.7  | Nghiêm Thị Dương  |  | Em gái  | 027172007980 | Chung cư CT1, P. Từ Liêm, TP. Hà Nội                                     | 0 | 0 |        |
| 2.8  | Nghiêm Đình Đạt   |  | Em trai | 027074000415 | Tòa nhà MD ComPlex, P. Từ Liêm, TP. Hà Nội                               | 0 | 0 |        |
| 2.9  | Nghiêm Đình Được  |  | Em trai | 027080004735 | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP. HCM | 0 | 0 |        |
| 2.10 | Đoàn Thuỳ         |  | Bố vợ   | 001038005126 | 355 Tổ 4, P. Tương Mai, TP. Hà Nội                                       | 0 | 0 |        |

|          |                                                       |  |                                                                                  |                     |                                              |                              |                 |                              |
|----------|-------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|
| 2.11     | Nguyễn Thị Thu Nguyệt                                 |  | Mẹ vợ                                                                            | 001146000030        | 355 Tổ 4, P. Tương Mai, TP. Hà Nội           | 0                            | 0               |                              |
| 2.12     | Đoàn Phong                                            |  | Em vợ                                                                            | 001069013297        | 355 Tổ 4, P. Tương Mai, TP. Hà Nội           | 0                            | 0               |                              |
| 2.13     | Đoàn Thu Hải                                          |  | Em vợ                                                                            | 001173000166        | 355 Tổ 4, P. Tương Mai, TP. Hà Nội           | 0                            | 0               |                              |
| 2.14     | Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên                 |  | Ông Nghiêm Xuân Đa là Chủ tịch HĐQT                                              | 04600100155         | Tổ 13, P. Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên         |                              |                 |                              |
| 2.15     | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL                |  | Ông Nghiêm Xuân Đa là Chủ tịch HĐQT                                              | 0352269994          | KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP. HCM             |                              |                 |                              |
| 2.16     | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) |  | Ông Nghiêm Xuân Đa là Người đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Thép Việt Nam | 0101992921          | 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, Hà Nội        | 636.844.034                  | 93.93%          | Người đại diện phần góp vốn  |
| <b>3</b> | <b>Nguyễn Đình Phúc</b>                               |  | <b>Phó Chủ tịch HĐQT</b>                                                         | <b>040069000613</b> | <b>Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, TP. Hà Nội</b> | <b>Cá nhân sở hữu: 3.700</b> | <b>0.00054%</b> | <b>Đại diện vốn của SCIC</b> |
| 3.1      | Đinh Thị Độ                                           |  | Mẹ đẻ                                                                            |                     |                                              | 0                            | 0               | Đã mất                       |
| 3.2      | Nguyễn Thị Viên                                       |  | Chị gái                                                                          | 040156012820        | Xóm 9, Xã Nghi lộc, Tỉnh Nghệ An             | 0                            | 0               |                              |
| 3.3      | Nguyễn Thị Dương                                      |  | Chị gái                                                                          | 040160000177        | Chung cư Hoàng Dương, 83 Ngọc                | 0                            | 0               |                              |



|      |                     |  |          |              |                                                                              |   |   |  |
|------|---------------------|--|----------|--------------|------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|      |                     |  |          |              | Hồi, P. Yên Sở,<br>TP. Hà Nội                                                |   |   |  |
| 3.4  | Nguyễn Đình Lượng   |  | Anh trai | 040060000515 | Lô 41 BT3, BD<br>Linh Đàm, P.<br>Hoàng Liệt, TP.<br>Hà Nội                   | 0 | 0 |  |
| 3.5  | Nguyễn Thị Hồng     |  | Chị gái  | 040167003015 | Xóm Trường Lân,<br>Xã Đông Lộc,<br>Tỉnh Nghệ An                              | 0 | 0 |  |
| 3.6  | Lê Thị Thu          |  | Vợ       | 038168009241 | 99 Đường số 10,<br>Khu dân cư Nam<br>Long, KP16, P.<br>Tân thuận, TP.<br>HCM | 0 | 0 |  |
| 3.7  | Nguyễn Thị Thu Thảo |  | Con gái  | 038197008168 | 99 Đường số 10,<br>Khu dân cư Nam<br>Long, KP16, P.<br>Tân thuận, TP.<br>HCM | 0 | 0 |  |
| 3.8  | Nguyễn Thị Thu Uyên |  | Con gái  | 079301020894 | 99 Đường số 10,<br>Khu dân cư Nam<br>Long, KP16, P.<br>Tân thuận, TP.<br>HCM | 0 | 0 |  |
| 3.9  | Lê Minh Cẩn         |  | Bố vợ    | 038043001539 | 860/14 Huỳnh Tấn<br>Phát, P. Tân Mỹ,<br>TP. HCM                              | 0 | 0 |  |
| 3.10 | Nguyễn Văn Sâm      |  | Anh rể   | 040055000710 | Xóm 9, Xã Nghi<br>lộc, Tỉnh Nghệ An                                          | 0 | 0 |  |
| 3.11 | Dương Thị Ngọc Lan  |  | Chị dâu  | 026170001849 | Lô 41 BT3, BD<br>Linh Đàm, P.                                                | 0 | 0 |  |

|          |                                                             |  |                                                                                                   |                     |                                                                   |             |        |                                      |
|----------|-------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------------------------------|
|          |                                                             |  |                                                                                                   |                     | Hoàng Liệt, TP.<br>Hà Nội                                         |             |        |                                      |
| 3.12     | Nguyễn Đình Minh                                            |  | Anh rể                                                                                            | 040064004237        | Xóm Trường Lân,<br>Xã Đông Lộc,<br>Tỉnh Nghệ An                   | 0           | 0      |                                      |
| 3.13     | Tổng công ty Đầu tư<br>và Kinh doanh vốn<br>Nhà nước (SCIC) |  | Ông Nguyễn<br>Đình Phúc là<br>Người đại diện<br>vốn của SCIC tại<br>Tổng công ty<br>Thép Việt Nam | 0101992921          | 117 Trần Duy<br>Hưng, P. Yên Hoà,<br>Hà Nội                       | 636.844.034 | 93.93% | Người đại<br>diện phân<br>góp vốn    |
| <b>4</b> | <b>Trần Tiến Tùng</b>                                       |  | <b>Thành viên<br/>HĐQT</b>                                                                        | <b>027073002987</b> | <b>Số 91 Láng Hạ,<br/>P. Đống Đa, TP.<br/>Hà Nội</b>              |             |        | <b>Đại diện<br/>vốn của<br/>SCIC</b> |
| 4.1      | Trần Viễn Minh                                              |  | Bố đẻ                                                                                             | 034045008972        | Phường Vũ Ninh,<br>Bắc Ninh                                       | 0           | 0      |                                      |
| 4.2      | Nguyễn Thị Láng                                             |  | Mẹ đẻ                                                                                             | 034049006895        | Phường Vũ Ninh,<br>Bắc Ninh                                       | 0           | 0      |                                      |
| 4.3      | Nguyễn Thị Minh<br>Tâm                                      |  | Vợ                                                                                                | 027175002869        | Phường Kinh Bắc,<br>Bắc Ninh                                      | 0           | 0      |                                      |
| 4.4      | Trần Viết Hưng                                              |  | Em ruột                                                                                           | 027076000441        | P903 Chung cư<br>An Khánh, P. An<br>Khánh, TP. Thủ<br>Đức, TP.HCM | 0           | 0      |                                      |
| 4.5      | Trần Thị Khánh Linh                                         |  | Con                                                                                               | 027300006992        | Phường Kinh Bắc,<br>Bắc Ninh                                      | 0           | 0      |                                      |
| 4.6      | Trần Cẩm Tú                                                 |  | Con                                                                                               | 027305002794        | Phường Kinh Bắc,<br>Bắc Ninh                                      | 0           | 0      |                                      |



|      |                                                       |  |                                                                                  |              |                                                          |             |        |                             |
|------|-------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------|
| 4.7  | Trần Thị Tú Anh                                       |  | Chị ruột                                                                         | 027171004528 | Số 20 đường Bình Than, TP. Bắc Ninh                      | 0           | 0      |                             |
| 4.8  | Nguyễn Đình Bảng                                      |  | Bố vợ                                                                            | 027046000579 | Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh                                | 0           | 0      |                             |
| 4.9  | Phùng Thị Đệ                                          |  | Mẹ vợ                                                                            | 024150000860 | Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh                                | 0           | 0      |                             |
| 4.10 | Nguyễn Anh Đức                                        |  | Em vợ                                                                            | 027076003036 | Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh                                | 0           | 0      |                             |
| 4.11 | Nguyễn Anh Dũng                                       |  | Em vợ                                                                            | 027078000974 | Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh                                | 0           | 0      |                             |
| 4.12 | Nguyễn Thị Thu Phương                                 |  | Em vợ                                                                            | 027181000870 | 79 Lý Nam Đế, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội               | 0           | 0      |                             |
| 4.13 | Nguyễn Thị Minh Tâm                                   |  | Em dâu                                                                           | 027176007174 | P903 Chung cư An Khánh, P. An Khánh, TP. Thủ Đức, TP.HCM | 0           | 0      |                             |
| 4.14 | Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên                 |  | Ông Trần Tiến Tùng là Phó Chủ tịch HĐQT                                          | 04600100155  | Tổ 13, P. Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên                     |             |        | Bổ nhiệm ngày 22/5/2026     |
| 4.15 | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) |  | Ông Trần Tiến Tùng là Người đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Thép Việt Nam | 0101992921   | 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội                | 636.844.034 | 93.93% | Người đại diện phần góp vốn |

|     |                  |  |                    |              |                                                                   |   |   |                             |
|-----|------------------|--|--------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------|
| 5   | Thời Văn Tấn     |  | Thành viên<br>HĐQT | 001069000877 | Số 91 Láng Hạ,<br>P. Đống Đa, TP.<br>Hà Nội                       |   |   | Đại diện<br>vốn của<br>SCIC |
| 5.1 | Thời Yên         |  | Bố đẻ              |              |                                                                   | 0 | 0 | Đã mất                      |
| 5.2 | Nguyễn Thị Oanh  |  | Mẹ đẻ              |              |                                                                   | 0 | 0 | Đã mất                      |
| 5.3 | Trần Thị Thu Hà  |  | Vợ                 | 001169000759 | 112 Đường Cầu<br>Giấy, Phường<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội          | 0 | 0 |                             |
| 5.4 | Thời Hồng Nga    |  | Con                | 001192020936 | 112 Đường Cầu<br>Giấy, Phường<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội          | 0 | 0 |                             |
| 5.5 | Thời Gia Bách    |  | Con                | 001201006063 | 112 Đường Cầu<br>Giấy, Phường<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội          | 0 | 0 |                             |
| 5.6 | Thời Thị Tại     |  | Chị ruột           | 052142000009 | Số 551/30A Bến<br>Phú Lâm, Phường<br>Bình Tây, TP. Hồ<br>Chí Minh | 0 | 0 |                             |
| 5.7 | Thời Hữu Trung   |  | Anh ruột           | 052050008392 | Xã Kim Sơn, Tỉnh<br>Gia Lai                                       | 0 | 0 |                             |
| 5.8 | Trần Thị Yên     |  | Chị ruột           | 026153000004 | Thôn Cổ Diển, Xã<br>Vĩnh Thanh, TP.<br>Hà Nội                     | 0 | 0 |                             |
| 5.9 | Thời Thị Kim Tâm |  | Chị ruột           | 001159002009 | Thôn 1, Xã Yên<br>Xuân, TP. Hà Nội                                | 0 | 0 |                             |



|      |                                                       |  |                                                          |              |                                                                                    |             |        |                             |
|------|-------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------------------------|
| 5.10 | Thời Thị Cang                                         |  | Chị ruột                                                 | 001161006303 | 112 Đường Cầu Giấy, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội                                    | 0           | 0      |                             |
| 5.11 | Thời Thị Hương                                        |  | Chị ruột                                                 | 001163007790 | P.1204 Chung cư Thăng Long Tower số 33 Phố Mạc Thái Tô, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội | 0           | 0      |                             |
| 5.12 | Trần Văn Vinh                                         |  | Bố vợ                                                    | 042034000366 | Số 180 Tổ 25, Phường Phúc Lợi, TP. Hà Nội                                          | 0           | 0      |                             |
| 5.13 | Phạm Thị Lựu                                          |  | Mẹ vợ                                                    |              |                                                                                    | 0           | 0      | Đã mất                      |
| 5.14 | Trần Văn Quang                                        |  | Anh vợ                                                   |              |                                                                                    | 0           | 0      | Đã mất                      |
| 5.15 | Trần Văn Khang                                        |  | Anh vợ                                                   | 001061001033 | Số 180 Tổ 25, Phường Phúc Lợi, TP. Hà Nội                                          | 0           | 0      |                             |
| 5.16 | Trần Thế Hùng                                         |  | Anh vợ                                                   | 001062018513 | 2/31 Đội Nhân, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội                                          | 0           | 0      |                             |
| 5.17 | Trần Thị Hà Lan                                       |  | Em vợ                                                    | 001172009673 | 46/5 Trần Quý Khoách, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh                             | 0           | 0      |                             |
| 5.18 | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) |  | Ông Thời Văn Tấn là Người đại diện vốn của SCIC tại Tổng | 0101992921   | 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội                                          | 636.844.034 | 93.93% | Người đại diện phân góp vốn |

|     |                    |            |                             |              |                                                      |   |   |        |
|-----|--------------------|------------|-----------------------------|--------------|------------------------------------------------------|---|---|--------|
|     |                    |            | công ty Thép<br>Việt Nam    |              |                                                      |   |   |        |
| 6   | Phạm Công Thảo     | 026C303207 | Phó Tổng Giám<br>đốc-UQCBTT | 027077017147 | Số 91 Láng Hạ,<br>P. Đống Đa, TP.<br>Hà Nội          |   |   |        |
| 6.1 | Đặng Thị Oanh Oanh | 026C322071 | Vợ                          | 001184031534 | Chung cư Seasons<br>Avenue, P. Đại<br>Mỗ, TP. Hà Nội | 0 | 0 |        |
| 6.2 | Phạm Hà Thảo Chi   |            | Con Gái                     | 001308000590 | Chung cư Seasons<br>Avenue, P. Đại<br>Mỗ, TP. Hà Nội | 0 | 0 |        |
| 6.3 | Phạm Minh Tuấn     |            | Con Trai                    | 001211000920 | Chung cư Seasons<br>Avenue, P. Đại<br>Mỗ, TP. Hà Nội | 0 | 0 |        |
| 6.4 | Phạm Công Tham     |            | Bố đẻ                       | 027049000752 | KĐT Văn Quán,<br>P. Hà Đông, TP.<br>Hà Nội           | 0 | 0 |        |
| 6.5 | Nguyễn Thị Xiêm    |            | Mẹ đẻ                       | 027152001182 | KĐT Văn Quán,<br>P. Hà Đông, TP.<br>Hà Nội           | 0 | 0 |        |
| 6.6 | Phạm Hà Anh        |            | Anh Trai                    | 027076000423 | KĐT Time City,<br>P. Vĩnh Tuy, TP.<br>Hà Nội         | 0 | 0 |        |
| 6.7 | Phạm Thu Thủy      |            | Em Gái                      | 001182048471 | Trung Kính, P.<br>Yên Hòa, TP. Hà<br>Nội             | 0 | 0 |        |
| 6.8 | Đặng Văn Minh      |            | Bố vợ                       |              |                                                      | 0 | 0 | Đã mất |



|      |                                                               |  |                                           |                     |                                                                     |          |          |        |
|------|---------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------|
| 6.9  | Nguyễn Thị Chí                                                |  | Mẹ vợ                                     | 001162042699        | Vân Xa 2, Xã Cổ<br>Đô, TP.<br>Hà Nội                                | 0        | 0        |        |
| 6.10 | Phạm Ngô Thùy Ninh                                            |  | Chị dâu                                   | 001178046839        | KĐT Time City,<br>P. Vĩnh Tuy, TP.<br>Hà Nội                        | 0        | 0        |        |
| 6.11 | Nguyễn Năng Hải<br>Nam                                        |  | Em rể                                     | 001177007304        | Trung Kính, P.<br>Yên Hòa, TP. Hà<br>Nội                            | 0        | 0        |        |
| 6.12 | Công ty cổ phần Kim<br>khí Thành phố Hồ Chí<br>Minh - VNSTEEL |  | Ông Phạm Công<br>Thảo là Chủ tịch<br>HĐQT | 0300399360          | 193 Đinh Tiên<br>Hoàng, Phường<br>Tân Định, TP.<br>HCM              |          |          |        |
| 7    | <b>Nguyễn Phú Dương</b>                                       |  | <b>Phó Tổng Giám<br/>đốc</b>              | <b>031077006553</b> | <b>Số 91 Láng Hạ,<br/>P. Đống Đa, TP.<br/>Hà Nội</b>                | <b>0</b> | <b>0</b> |        |
| 7.1  | Nguyễn Phú Chuyên                                             |  | Bố đẻ                                     |                     |                                                                     | 0        | 0        | Đã mất |
| 7.2  | Vũ Thị Nhuận                                                  |  | Mẹ đẻ                                     | 031144006501        | Tổ dân phố 6<br>Minh Tân, P. Bạch<br>Đằng, TP. Hải<br>Phòng         | 0        | 0        |        |
| 7.3  | Đinh Thị Châu                                                 |  | Vợ                                        | 022180003616        | Số 10 ngõ 196<br>Trần Duy Hưng,<br>Tổ 37, P. Yên<br>Hoà, TP. Hà Nội | 0        | 0        |        |
| 7.4  | Nguyễn Thị Minh<br>Giang                                      |  | Con gái                                   | 022305001174        | Số 10 ngõ 196<br>Trần Duy Hưng,                                     | 0        | 0        |        |

|      |                  |  |          |              |                                                            |   |   |        |
|------|------------------|--|----------|--------------|------------------------------------------------------------|---|---|--------|
|      |                  |  |          |              | Tổ 37, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội                              |   |   |        |
| 7.5  | Nguyễn Phú Lâm   |  | Con trai | 001209064960 | Số 10 ngõ 196 Trần Duy Hưng, Tổ 37, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội | 0 | 0 |        |
| 7.6  | Nguyễn Thị Mến   |  | Chị gái  | 031162020900 | Tổ dân phố 6 Minh Tân, P. Bạch Đằng, TP. Hải Phòng         | 0 | 0 |        |
| 7.7  | Nguyễn Phú Đạt   |  | Anh trai | 031065013923 | Tổ dân phố 10 Minh Tân, P. Bạch Đằng, TP. Hải Phòng        | 0 | 0 |        |
| 7.8  | Nguyễn Thị Quyên |  | Chị gái  | 031168014224 | Tổ dân phố 6 Minh Tân, P. Bạch Đằng, TP. Hải Phòng         | 0 | 0 |        |
| 7.9  | Nguyễn Thị Hường |  | Chị gái  | 031172003660 | Tổ dân phố 6 Minh Tân, P. Bạch Đằng, TP. Hải Phòng         | 0 | 0 |        |
| 7.10 | Đinh Văn Thị     |  | Bố vợ    | 035049000551 |                                                            | 0 | 0 | Đã mất |
| 7.11 | Vũ Thị Hạnh      |  | Mẹ vợ    | 035154002584 | Tổ 3 Khu Tân Lập 8, P. Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh         | 0 | 0 |        |



|     |                                          |  |                                         |              |                                                        |                     |           |                           |
|-----|------------------------------------------|--|-----------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------------------------|
| 8   | Nguyễn Nguyên Ngọc                       |  | Phó Tổng Giám đốc                       | 031077006553 | Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, Hà Nội                      | Cá nhân sở hữu: 700 | 0,000103% |                           |
| 8.1 | Nguyễn Hữu Lương                         |  | Bố đẻ                                   |              |                                                        | 0                   | 0         | Đã mất                    |
| 8.2 | Vũ Thị Nguyệt                            |  | Mẹ đẻ                                   | 038154019967 | Xã Thiệu Trung, Tỉnh Thanh Hóa                         | 0                   | 0         |                           |
| 8.3 | Trần Quang Hải                           |  | Bố vợ                                   | 036042000870 | 13, Nguyễn Đăng Giai, P. An Khánh, TP. Thủ Đức, TP.HCM | 0                   | 0         |                           |
| 8.4 | Phạm Thị Xoan                            |  | Mẹ vợ                                   | 034148003749 | 13, Nguyễn Đăng Giai, P. An Khánh, TP. Thủ Đức, TP.HCM | 0                   | 0         |                           |
| 8.5 | Trần Kim Hiền                            |  | Vợ                                      | 019182003169 | 20, Đường 24B, P. Bình Trưng, TP. Thủ Đức, TP.HCM      | 0                   | 0         |                           |
| 8.6 | Nguyễn Phương Nam                        |  | Con trai                                | 079206027375 | 20, Đường 24B, P. Bình Trưng, TP. Thủ Đức, TP.HCM      | 0                   | 0         |                           |
| 8.7 | Nguyễn Anh Khoa                          |  | Con trai                                | 079209024665 | 20, Đường 24B, P. Bình Trưng, TP. Thủ Đức, TP.HCM      | 0                   | 0         |                           |
| 8.8 | Nguyễn Thành Lê                          |  | Em trai                                 | 038082005999 | CC Cantavil, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM            | 0                   | 0         |                           |
| 8.9 | Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL |  | Ông Nguyễn Nguyên Ngọc là Chủ tịch HĐQT | 0100100368   | Số 20 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, TP. Hà Nội           |                     |           | Miễn nhiệm ngày 15/4/2026 |

|      |                           |  |                                         |                     |                                                                     |   |   |  |
|------|---------------------------|--|-----------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| 8.10 | Công ty Tôn Phương Nam    |  | Ông Nguyễn Nguyên Ngọc là Chủ tịch HĐQT | 3600236891          | Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, đường số 9, P. Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai |   |   |  |
| 9    | <b>Trần Thị Hồng Linh</b> |  | <b>Trưởng Ban kiểm soát</b>             | <b>042179012240</b> | <b>Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, Hà Nội</b>                            |   |   |  |
| 9.1  | Nguyễn Tuấn Anh           |  | Chồng                                   | 042179012240        | P510 CT16 Khu đô thị Định Công, phường Phương Liệt, Hà Nội          | 0 | 0 |  |
| 9.2  | Võ Thị An                 |  | Mẹ đẻ                                   |                     |                                                                     | 0 | 0 |  |
| 9.3  | Nguyễn Văn Khánh          |  | Bố chồng                                | 001049006931        | P510 CT2 Khu đô thị Định Công, phường Phương Liệt, Hà Nội           | 0 | 0 |  |
| 9.4  | Nguyễn Thị Mùi            |  | Mẹ chồng                                | 001155003573        | P201 Nhà A2, ngõ 773 đường Giải Phóng, phường Hoàng Mai, Hà Nội     | 0 | 0 |  |
| 9.5  | Đặng Lê Anh               |  | Mẹ chồng                                | 008152000476        | P510 CT2 Khu đô thị Định Công, phường Phương Liệt, Hà Nội           | 0 | 0 |  |
| 9.6  | Nguyễn Anh Thư            |  | Con gái                                 | 001306004437        | P510 CT2 Khu đô thị Định Công, phường Phương                        | 0 | 0 |  |



|      |                                                       |            |                                                |              |                                                                      |   |   |  |
|------|-------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|      |                                                       |            |                                                |              | Liệt, Hà Nội                                                         |   |   |  |
| 9.7  | Nguyễn Minh Khuê                                      |            | Con gái                                        | Còn nhỏ      | P510 CT16 Khu đô thị Định Công, phường Phương Liệt, Hà Nội           | 0 | 0 |  |
| 9.8  | Trần Chiến Thắng                                      |            | Anh trai                                       | 040075001026 | Số 10, ngõ 38, đường Trần Nhật Duật, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An | 0 | 0 |  |
| 9.9  | Phan Thị Nga                                          |            | Chị dâu                                        | 042186001447 | Số 10, ngõ 38, đường Trần Nhật Duật, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An | 0 | 0 |  |
| 9.10 | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) |            | Bà Trần Thị Hồng Lĩnh là Người nội bộ làm CBNV | 0101992921   | 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội                            |   |   |  |
| 9.11 | Công ty cổ phần FPT                                   |            | Bà Trần Thị Hồng Lĩnh là Thành viên HĐQT       | 0101248141   | Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội           |   |   |  |
| 10   | Lê Thị Thu Hiền                                       | 105C634948 | Trưởng Ban KTNB                                | 001179042059 | Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, Hà Nội                                    | 0 | 0 |  |
| 10.1 | Lê Huy Linh                                           |            | Chồng                                          | 001076023460 | Số 93 Láng Hạ, P.                                                    | 0 | 0 |  |

|      |                     |            |                          |              |                                                                 |                       |           |  |
|------|---------------------|------------|--------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--|
|      |                     |            |                          |              | Đống Đa, TP. Hà Nội                                             |                       |           |  |
| 10.2 | Lê Ngọc Linh Anh    |            | Con                      | 001304002774 | Số 93 Láng Hạ, P. Đống Đa, TP. Hà Nội                           | 0                     | 0         |  |
| 10.3 | Lê Ngọc Thu Anh     |            | Con                      | 001307053672 | Số 93 Láng Hạ, P. Đống Đa, TP. Hà Nội                           | 0                     | 0         |  |
| 10.4 | Lê Ngọc Thái        |            | Bố đẻ                    | 035050001282 | P72 B19 Khu Tập thể Kim Liên, P. Kim Liên, TP. Hà Nội           | 0                     | 0         |  |
| 10.5 | Nguyễn Thị Cấn      |            | Mẹ đẻ                    | 024153000143 | P72 B19 Khu Tập thể Kim Liên, P. Kim Liên, TP. Hà Nội           | 0                     | 0         |  |
| 10.6 | Lê Ngọc Hoàng       |            | Em trai                  | 001081029841 | KĐT Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cánh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM | 0                     | 0         |  |
| 10.7 | Đinh Thu Thảo       |            | Em dâu                   | 079191012347 | KĐT Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cánh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM | 0                     | 0         |  |
| 11   | Nguyễn Đức Vinh Nam | 0002508889 | Thành viên Ban kiểm soát | 019077000211 | Số 91 Láng Hạ, Phường Đống Đa,                                  | Cá nhân sở hữu: 2.000 | 0.000294% |  |



|      |                       |  |          |              |                                                                                   |   |   |  |
|------|-----------------------|--|----------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|      |                       |  |          |              | <b>TP. Hà Nội</b>                                                                 |   |   |  |
| 11.1 | Nguyễn Đức Ninh       |  | Bố đẻ    | 037047000438 | Số nhà 14, Ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội                      | 0 | 0 |  |
| 11.2 | Trần Thị Tiệp         |  | Mẹ đẻ    | 025151000152 | Số nhà 14, Ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội                      | 0 | 0 |  |
| 11.3 | Nguyễn Thiết Hùng     |  | Bố vợ    | 025049005283 | Tổ 43, Khu 18, P. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ                                          | 0 | 0 |  |
| 11.4 | Lê Thị Nhân           |  | Mẹ vợ    | 026149003250 | Tổ 43, Khu 18, P. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ                                          | 0 | 0 |  |
| 11.5 | Nguyễn Thị Bích Hường |  | Vợ       | 025178009715 | Căn B2007, tòa HH01B, Anland Complex, KĐT mới Dương Nội, P. Dương Nội, TP. Hà Nội | 0 | 0 |  |
| 11.6 | Nguyễn Đức Minh       |  | Con trai | 001205016395 | Căn B2007, tòa HH01B, Anland Complex, KĐT mới Dương Nội, P. Dương Nội, TP. Hà Nội | 0 | 0 |  |

|      |                                                  |                          |                                       |              |                                                                                   |   |   |  |
|------|--------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| 11.7 | Nguyễn Minh Phương                               |                          | Con gái                               | 001309050337 | Căn B2007, tòa HH01B, Anland Complex, KĐT mới Dương Nội, P. Dương Nội, TP. Hà Nội | 0 | 0 |  |
| 12   | Nguyễn Minh Đức                                  |                          | Thành viên Ban kiểm soát              | 036084020850 | Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, Hà Nội                                                 |   |   |  |
| 12.1 | Nguyễn Đức Minh                                  |                          | Con                                   |              | 17.15 S4.02 Vinhomes Smartcity, P. Tây Mỗ, TP. Hà Nội                             | 0 | 0 |  |
| 12.2 | Nguyễn Đình Chiến                                |                          | Bố đẻ                                 | 035055002512 | 30/29/213 Giáp Nhất, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội                                    | 0 | 0 |  |
| 12.3 | Hà Thị Cúc                                       |                          | Mẹ đẻ                                 | 013157117    | 30/29/213 Giáp Nhất, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội                                    | 0 | 0 |  |
| 12.4 | Nguyễn Thu Hà                                    |                          | Em ruột                               | 036190005171 | 30/29/213 Giáp Nhất, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội                                    | 0 | 0 |  |
| 12.5 | Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Đầu tư Việt Nam |                          | Ông Nguyễn Minh Đức là Kế toán trưởng | 0106459393   | Số 191, phố Bà Triệu, TP. Hà Nội                                                  |   |   |  |
| 13   | Trương Thị Tuyết                                 | 009C309114<br>073C009177 | Thành viên Ban kiểm soát              | 040181025791 | Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, Hà                                                     | 0 | 0 |  |



|      |                          |  |          |              | Nội                                                            |   |   |  |
|------|--------------------------|--|----------|--------------|----------------------------------------------------------------|---|---|--|
| 13.1 | Hồ Sỹ Thịnh              |  | Chồng    | 040078000279 | P307 CT2 - A25,<br>TT Nghĩa Tân, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 13.2 | Hồ Sỹ Hưng               |  | Con      | 040209032297 | P307 CT2 - A25,<br>TT Nghĩa Tân, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 13.3 | Hồ Sỹ Mạnh               |  | Con      | 040212012052 | P307 CT2 - A25,<br>TT Nghĩa Tân, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 13.4 | Chu Thị Hoàn             |  | Mẹ đẻ    | 040156009658 | 50 Mai Hắc Đế, P.<br>Vinh Phú, TP.<br>Vinh, Tỉnh Nghệ<br>An    | 0 | 0 |  |
| 13.5 | Bùi Thị Hiền             |  | Mẹ chồng | 040138000540 | Xã Diễn Thành,<br>Tỉnh Nghệ An                                 | 0 | 0 |  |
| 13.6 | Trương Thị Ánh<br>Nguyệt |  | Chị gái  | 040177000773 | P307 CT2 - A25,<br>TT Nghĩa Tân, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 13.7 | Trương Thanh Quyền       |  | Em trai  | 040082000364 | P301 N04, Ngõ 49<br>Trần Đăng Ninh,<br>P. Cầu Giấy, TP.        | 0 | 0 |  |

|      |                         |  |                                     |                     |                                                      |   |   |  |
|------|-------------------------|--|-------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|---|---|--|
|      |                         |  |                                     |                     | Hà Nội                                               |   |   |  |
| 13.8 | Trương Thị Thu Hiền     |  | Em gái                              | C9932480            | Frankfurt am Main                                    | 0 | 0 |  |
| 14   | <b>Nguyễn Minh Giáp</b> |  | <b>Thành viên Ban<br/>kiểm soát</b> | <b>033083014748</b> | <b>Số 91 Láng Hạ,<br/>P. Đống Đa, TP.<br/>Hà Nội</b> | 0 | 0 |  |
| 14.1 | Nguyễn Văn Dũng         |  | Bố đẻ                               | 033060000629        | Thôn Bình Hồ, xã<br>Xuân Trú, tỉnh<br>Hưng Yên       | 0 | 0 |  |
| 14.2 | Nguyễn Thị Nhã          |  | Mẹ đẻ                               | 033162001519        | Thôn Bình Hồ, xã<br>Xuân Trú, tỉnh<br>Hưng Yên       | 0 | 0 |  |
| 14.3 | Cao Thị Hồng Thuý       |  | Vợ                                  | 001185006476        | Tổ 28, Phường<br>Hoàng Liệt,<br>Thành phố Hà<br>Nội  | 0 | 0 |  |
| 14.4 | Nguyễn Gia Hưng         |  | Con trai                            | 001212029083        | Tổ 28, Phường<br>Hoàng Liệt,<br>Thành phố Hà<br>Nội  | 0 | 0 |  |
| 14.5 | Nguyễn Khánh Linh       |  | Con gái                             | 001314057897        | Tổ 28, Phường<br>Hoàng Liệt,<br>Thành phố Hà<br>Nội  | 0 | 0 |  |
| 14.6 | Nguyễn Đức Chính        |  | Em ruột                             | 033089009354        | Thôn Bình Hồ, xã<br>Xuân Trú, tỉnh<br>Hưng Yên       | 0 | 0 |  |
| 14.7 | Nguyễn Thị Thu Uyên     |  | Em dâu                              | 033196006224        | Thôn Bình Hồ, xã<br>Xuân Trú, tỉnh<br>Hưng Yên       | 0 | 0 |  |



|       |                                        |  |                                                  |              |                                                           |   |   |  |
|-------|----------------------------------------|--|--------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|---|---|--|
| 14.8  | Vũ Thị Huệ                             |  | Em dâu                                           | 033188009095 | Thôn Bình Hồ, xã Xuân Trúc, tỉnh Hưng Yên                 | 0 | 0 |  |
| 14.9  | Cao Đình Nam                           |  | Bố vợ                                            | 001065022226 | Thôn An Mỹ, Xã Hoà Phú, TP. Hà Nội                        | 0 | 0 |  |
| 14.10 | Nguyễn Thị Thụ                         |  | Mẹ vợ                                            | 001164023702 | Thôn An Mỹ, Xã Hoà Phú, TP. Hà Nội                        | 0 | 0 |  |
| 14.11 | Cao Đình Tuấn                          |  | Em vợ                                            | 001088004347 | Thôn An Mỹ, Xã Hoà Phú, TP. Hà Nội                        | 0 | 0 |  |
| 14.12 | Cao Đình Tinh                          |  | Em vợ                                            | 001090007283 | Thôn An Mỹ, Xã Hoà Phú, TP. Hà Nội                        | 0 | 0 |  |
| 14.3  | Cao Đình Quân                          |  | Em vợ                                            | 001092031911 | Thôn An Mỹ, Xã Hoà Phú, TP. Hà Nội                        | 0 | 0 |  |
| 14.4  | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL |  | Ông Nguyễn Minh Giáp là Kiểm soát viên           | 0352269994   | KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP. HCM                          |   |   |  |
| 14.5  | Công ty cổ phần RedstarCera            |  | Ông Nguyễn Minh Giáp là thành viên Ban kiểm soát | 0800064718   | Số 148 Chi Ngãi, phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng       |   |   |  |
| 15    | Nguyễn Viết Liêm                       |  | Kế toán trưởng                                   | 031071004230 | Số 91 Láng Hạ, P. Đống Đa, TP. Hà Nội                     | 0 | 0 |  |
| 15.1  | Đông Thị Hoa                           |  | Vợ                                               | 031179001300 | Số 5/568, Đường Trần Nhân Tông, P. Kiến An, TP. Hải Phòng | 0 | 0 |  |

|      |                        |  |          |              |                                                                  |   |   |  |
|------|------------------------|--|----------|--------------|------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| 15.2 | Nguyễn Thị Khánh Dương |  | Con gái  | 031303004801 | Số 5/568, Đường Trần Nhân Tông, P. Kiến An, TP. Hải Phòng        | 0 | 0 |  |
| 15.3 | Nguyễn Danh Phúc       |  | Con trai | 031211002569 | Số 5/568, Đường Trần Nhân Tông, P. Kiến An, TP. Hải Phòng        | 0 | 0 |  |
| 15.4 | Nguyễn Văn Luân        |  | Anh trai | 031059003636 | Tổ dân phố Minh Kha, P. An Hải, TP. Hải Phòng                    | 0 | 0 |  |
| 15.5 | Nguyễn Thị Chuyền      |  | Chị gái  | 031157005853 | Tổ 48 Đông Khê, P. Gia Viên, TP. Hải Phòng                       | 0 | 0 |  |
| 15.6 | Nguyễn Văn Tuấn        |  | Anh trai | N2466930     | Cộng hoà Liên bang Đức                                           | 0 | 0 |  |
| 15.7 | Nguyễn Văn Quyền       |  | Anh trai | 031065004158 | Số 221, Đường 351, Tổ dân phố Tự Lập, P. An Dương, TP. Hải Phòng | 0 | 0 |  |
| 15.8 | Nguyễn Văn Toàn        |  | Anh trai | 031068010894 | Số 97, ngõ 11, Đường Đông Khê, P. Gia Viên, TP. Hải Phòng        | 0 | 0 |  |
| 15.9 | Nguyễn Cảnh Toàn       |  | Anh trai | 031068010894 | Số 11, ngõ 127, Chung cư Lương Quán, P. An Dương, TP. Hải Phòng  | 0 | 0 |  |



|       |                                        |  |                                                                     |              |                                                         |   |   |        |
|-------|----------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------|---|---|--------|
| 15.10 | Đồng Quốc Sự                           |  | Bố vợ                                                               | 00144002568  | Số 159, Đường Phan Đăng Lưu, P. Phù Liễn, TP. Hải Phòng | 0 | 0 |        |
| 15.11 | Nguyễn Thị Hảo                         |  | Mẹ vợ                                                               | 031148001847 | Số 159, Đường Phan Đăng Lưu, P. Phù Liễn, TP. Hải Phòng | 0 | 0 |        |
| 15.12 | Nguyễn Văn Lãm                         |  | Bố đẻ                                                               |              |                                                         | 0 | 0 | Đã mất |
| 15.13 | Phạm Thị Giòn                          |  | Mẹ đẻ                                                               |              |                                                         | 0 | 0 | Đã mất |
| 15.14 | Công ty CP Thép Đà Nẵng                |  | Ông Nguyễn Viết Liêm là Trưởng BKS                                  | 0400101549   | Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng         |   |   |        |
| 15.15 | Công ty TNHH Ống thép Việt Nam         |  | Ông Nguyễn Viết Liêm là Thành viên HĐQT                             | 0200109043   | Km 9, P. Hồng An, TP. Hải Phòng                         |   |   |        |
| 15.16 | Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL |  | Ông Nguyễn Viết Liêm là Thành viên HĐQT                             | 0352269994   | KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP. HCM                        |   |   |        |
| 16    | Đặng Minh Đức                          |  | Phó Chánh Văn phòng, Thư ký Chủ tịch HĐQT, Người phụ trách quản trị | 001087051536 | Số 91 Láng Hạ, Phường Đống Đa, TP. Hà Nội               | 0 | 0 |        |

|      |                          |  |          |              |                                                                     |   |   |  |
|------|--------------------------|--|----------|--------------|---------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| 16.1 | Đặng Đình Trung          |  | Bố đẻ    | 001055019668 | Xã Hoà Lạc, TP.<br>Hà Nội                                           | 0 | 0 |  |
| 16.2 | Phạm Thị Hoa             |  | Mẹ đẻ    | 034166019551 | Xã Hoà Lạc, TP.<br>Hà Nội                                           | 0 | 0 |  |
| 16.3 | Nguyễn Quang Trung       |  | Bố vợ    | 033059002851 | 253B Điện Biên,<br>P. Lê Lợi, Tỉnh<br>Hưng Yên                      | 0 | 0 |  |
| 16.4 | Nguyễn Thị Thanh         |  | Mẹ vợ    | 033164000540 | 253B Điện Biên,<br>P. Lê Lợi, Tỉnh<br>Hưng Yên                      | 0 | 0 |  |
| 16.5 | Nguyễn Thị Thùy<br>Trang |  | Vợ       | 033188016132 | 68B ngách 71/66<br>Hoàng Văn Thái,<br>P. Phương Liệt,<br>TP. Hà Nội | 0 | 0 |  |
| 16.6 | Đặng Minh Khánh          |  | Con trai |              | 68B ngách 71/66<br>Hoàng Văn Thái, P.<br>Phương Liệt, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 16.7 | Đặng Đình Phúc           |  | Con trai |              | 68B ngách 71/66<br>Hoàng Văn Thái, P.<br>Phương Liệt, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 16.8 | Đặng Đình Kiên           |  | Em trai  | 001090050125 | Xã Hoà Lạc, TP.<br>Hà Nội                                           | 0 | 0 |  |
| 16.9 | Nguyễn Thị Thảo Linh     |  | Em dâu   | 001193010793 | Lô 182, Khu Giãn<br>Dân Mỗ Lao, P.<br>Hà Đông, TP. Hà               | 0 | 0 |  |



|       |                                          |               |                                            |                     |                                                                              |   |   |                                |
|-------|------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------|
|       |                                          |               |                                            |                     | Nội                                                                          |   |   |                                |
| 16.10 | Nguyễn Quang Tùng                        |               | Em vợ                                      | 033097006320        | 253B Điện Biên,<br>P. Lê Lợi, Tỉnh<br>Hưng Yên                               | 0 | 0 |                                |
| 16.11 | Vũ Thị Hương Thủy                        |               | Em dâu                                     | 035189006588        | Lương Xá, Đồng<br>Văn, Ninh Bình                                             | 0 | 0 |                                |
| 16.12 | Công ty TNHH Cảng<br>Quốc tế Thị Vải     |               | Ông Đặng Minh<br>Đức là Thành<br>viên HĐQT | 3500100618          | Khu phố Quảng<br>Phú, P. Phú Mỹ,<br>TP. HCM                                  |   |   |                                |
| 16.13 | Công ty Tôn Phương<br>Nam                |               | Ông Đặng Minh<br>Đức là Kiểm soát<br>viên  | 3600236891          | Đường số 9, KCN<br>Biên Hòa 1, đường<br>số 9, P. Trần Biên,<br>Tỉnh Đồng Nai |   |   |                                |
| 16.14 | Công ty cổ phần Gang<br>thép Thái Nguyên |               | Ông Đặng Minh<br>Đức là thành<br>viên HĐQT | 04600100155         | Tổ 13, P. Gia<br>Sàng, Tỉnh<br>Thái Nguyên                                   |   |   | Bổ nhiệm<br>ngày<br>22/05/2026 |
| 17    | <b>Lý Thị Hồng Hạnh</b>                  | <b>R21647</b> | <b>Phó Trưởng<br/>ban KTNB</b>             | <b>001189007582</b> | <b>Số 91 Láng Hạ,<br/>P. Đống Đa, TP.<br/>Hà Nội</b>                         | 0 | 0 |                                |
| 17.1  | Nguyễn Văn Giáp                          |               | Chồng                                      | 036085027859        | Số 2 ngõ 165<br>Đường Cầu Giấy,<br>P. Cầu Giấy, TP.<br>Hà Nội                | 0 | 0 |                                |
| 17.2  | Nguyễn Minh Khang                        |               | Con                                        |                     | Số 2 ngõ 165<br>Đường Cầu Giấy,<br>P. Cầu Giấy, TP.                          | 0 | 0 |                                |

|      |                  |                      |                        |              |                                                               |   |   |        |
|------|------------------|----------------------|------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------|---|---|--------|
|      |                  |                      |                        |              | Hà Nội                                                        |   |   |        |
| 17.3 | Nguyễn Bảo Trâm  |                      | Con                    |              | Số 2 ngõ 165<br>Đường Cầu Giấy,<br>P. Cầu Giấy, TP.<br>Hà Nội | 0 | 0 |        |
| 17.4 | Lý Quốc Ân       |                      | Bố đẻ                  |              |                                                               |   |   | Đã mất |
| 17.5 | Thời Thị Cang    |                      | Mẹ đẻ                  | 001161006303 | 112 đường Cầu<br>Giấy, Phường<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội      | 0 | 0 |        |
| 17.6 | Nguyễn Văn Trịnh |                      | Bố chồng               | 036062017527 | Xã Xuân Trường,<br>Tỉnh<br>Ninh Bình                          | 0 | 0 |        |
| 17.7 | Bùi Thị Nguyệt   |                      | Mẹ chồng               | 036166000067 | 11 ngõ 307 Giảng<br>Võ, P. Ô Chợ Dừa,<br>TP. Hà Nội           | 0 | 0 |        |
| 17.8 | Lý Quang Huy     |                      | Em trai                | 001099014499 | Số 2 ngõ 165<br>Đường Cầu Giấy,<br>P. Cầu Giấy, TP.<br>Hà Nội | 0 | 0 |        |
| 18   | Lê Tú Vân        | 105C253990<br>750990 | Thành viên Ban<br>KTNB | 001190021863 | Số 91 Láng Hạ,<br>P. Đống Đa, TP.<br>Hà Nội                   | 0 | 0 |        |
| 18.1 | Lê Xuân Gấm      | 003C105158           | Bố đẻ                  | 031053003330 | Tập thể xí nghiệp<br>19/8, Tổ 19, P.<br>Việt Hưng, TP. Hà     | 0 | 0 |        |



|      |                    |                      |           |              |                                                                               |   |   |  |
|------|--------------------|----------------------|-----------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|      |                    |                      |           |              | Nội                                                                           |   |   |  |
| 18.2 | Trịnh Thị Cát      |                      | Mẹ đẻ     | 037153001112 | Tập thể xí nghiệp<br>19/8, Tổ 19, P.<br>Việt Hưng, TP. Hà<br>Nội              | 0 | 0 |  |
| 18.3 | Lại Phú An         |                      | Bố chồng  | 001060025972 | 22 ngách 81/24<br>Lạc Long Quân,<br>tổ 14, P. Nghĩa<br>Đô, TP. Hà Nội         | 0 | 0 |  |
| 18.4 | Lư Thị Thu Hồng    |                      | Mẹ chồng  | 001165018618 | 07 ngách 27/71<br>ngõ 27 Võ Chí<br>Công, Tổ 14, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 18.5 | Lại Phú Quân       | 105C282544<br>882544 | Chồng     | 001090006075 | 07 ngách 27/71<br>ngõ 27 Võ Chí<br>Công, Tổ 14, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 18.6 | Lại Nhật Quang     |                      | Con       |              | 07 ngách 27/71<br>ngõ 27 Võ Chí<br>Công, Tổ 14, P.<br>Nghĩa Đô, TP. Hà<br>Nội | 0 | 0 |  |
| 18.7 | Lại Thị Hồng Nhung |                      | Chị chồng | 001185004429 | Số 25, ngõ 58/63,<br>tổ 6, Quan Hoa,<br>P. Nghĩa Đô, TP.<br>Hà Nội            | 0 | 0 |  |

|      |                        |               |                                |                     |                                                                  |          |          |        |
|------|------------------------|---------------|--------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------|
| 18.8 | Lê Thị Tú Lệ           | 001C150282.N1 | Chị gái                        | 001182011567        | Tập thể xí nghiệp<br>19/8, Tổ 19, P.<br>Việt Hưng, TP.<br>Hà Nội | 0        | 0        |        |
| 18.9 | Lê Cẩm Tú              |               | Chị gái                        | 001184037277        | Tập thể xí nghiệp<br>19/8, Tổ 19, P.<br>Việt Hưng, TP.<br>Hà Nội | 0        | 0        |        |
| 19   | <b>Hoàng Thị Chung</b> |               | <b>Thành viên Ban<br/>KTNB</b> | <b>019187000269</b> | <b>Số 91 Láng Hạ,<br/>Phường Đồng Đa,<br/>TP. Hà Nội</b>         | <b>0</b> | <b>0</b> |        |
| 19.1 | Hoàng Văn Minh         |               | Bố đẻ                          |                     |                                                                  | 0        | 0        | Đã mất |
| 19.2 | Nguyễn Thị Cúc         |               | Mẹ đẻ                          | 024159004121        | Xã Kha Sơn, Tỉnh<br>Thái Nguyên                                  | 0        | 0        |        |
| 19.3 | Nguyễn Văn Thụy        |               | Bố chồng                       |                     |                                                                  | 0        | 0        | Đã mất |
| 19.4 | Trịnh Thị Bình         |               | Mẹ chồng                       | 034155006321        | Số 3, Tổ 24, P.<br>Vĩnh Tuy, TP. Hà<br>Nội                       | 0        | 0        |        |
| 19.5 | Nguyễn Minh Đức        |               | Chồng                          | 001085000246        | Số 3, Tổ 24, P.<br>Vĩnh Tuy, TP. Hà<br>Nội                       | 0        | 0        |        |
| 19.6 | Nguyễn Hoàng Tuấn      |               | Con trai                       |                     | Số 3, Tổ 24, P.<br>Vĩnh Tuy, TP. Hà<br>Nội                       | 0        | 0        |        |
| 19.7 | Nguyễn Hoàng Tú        |               | Con trai                       |                     | Số 3, Tổ 24, P.                                                  | 0        | 0        |        |



|           |                                                              |  |                   |                   |                                                  |   |               |                   |
|-----------|--------------------------------------------------------------|--|-------------------|-------------------|--------------------------------------------------|---|---------------|-------------------|
|           |                                                              |  |                   |                   | Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội                             |   |               |                   |
| 19.8      | Hoàng Thị Thủy                                               |  | Chị gái           | 019183000445      | Thôn 10 Xã Phúc Lộc, TP. Hà Nội                  | 0 | 0             |                   |
| 19.9      | Hoàng Thúy Hằng                                              |  | Em gái            | 019190001092      | Xóm Phổ Dầu, Xã La Bằng, Tỉnh Thái Nguyên        | 0 | 0             |                   |
| 19.10     | Hoàng Thị Thúy Nga                                           |  | Em gái            | 019193000237      | Xã Hoài Đức, TP. Hà Nội                          | 0 | 0             |                   |
| 19.11     | Hoàng Ngọc Khanh                                             |  | Em trai           | 019096004640      | Xã Kha Sơn, Tỉnh Thái Nguyên                     | 0 | 0             |                   |
| 19.12     | Nguyễn Quang Minh                                            |  | Anh chồng         | 001077007273      | Số 3, Tổ 24, P. Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội             | 0 | 0             |                   |
| <b>20</b> | <b>Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)</b> |  | <b>Công ty mẹ</b> | <b>0101992921</b> | <b>117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội</b> |   | <b>93.93%</b> | <b>Chủ sở hữu</b> |

**Phụ lục 4, mục VI.2: Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty (*Không có*)**

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |              | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | <i>Số cổ phiếu</i>        | <i>Tỷ lệ</i> | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
|     |                           |                          |                           |              |                            |       |                                                    |
|     |                           |                          |                           |              |                            |       |                                                    |
|     |                           |                          |                           |              |                            |       |                                                    |